

Chuyên đề: Phân biệt thì Quá khứ đơn và Quá khứ tiếp diễn

1. Thì Quá khứ đơn (Simple Past)

A. Khái niệm

Thì Quá khứ đơn dùng để diễn tả một hành động đã xảy ra và kết thúc hoàn toàn trong quá khứ, biết rõ thời gian xảy ra.

B. Công thức

. Với động từ thường:

- Khẳng định: S+Ved/2
- Phủ định: S+did+not+Vnguyên thể (did not = didn't)
- Nghi vấn: Did+S+Vnguyên thể?

. Với động từ "to be":

- Khẳng định: S+was/were
- Phủ định: S+was/were+not (wasn't / weren't)
- Nghi vấn: Was/Were+S?

C. Dấu hiệu nhận biết & Từ chỉ thời gian

Thường đi kèm với các cụm từ chỉ thời gian xác định trong quá khứ:

- **Ago:** (cách đây)
 - *Ví dụ:* He left two hours **ago**. (Anh ấy đã rời đi cách đây 2 tiếng.)
 - **Last month / year / week:** (tháng trước, năm trước, tuần trước)
 - *Ví dụ:* We traveled to Da Nang **last year**. (Chúng tôi đã đi du lịch Đà Nẵng năm ngoái.)
 - **Those days / years:** (những ngày/năm đó)
 - *Ví dụ:* Life was very simple in **those days**. (Cuộc sống vào những ngày đó rất đơn giản.)
 - **In 1999:** (các mốc thời gian trong quá khứ)
 - *Ví dụ:* She was born **in 1999**. (Cô ấy sinh năm 1999.)
 - **Originally:** (ban đầu)
 - *Ví dụ:* The house was **originally** painted white. (Ngôi nhà ban đầu được sơn màu trắng.)
 - **In that time / At that time:** (vào thời điểm đó)
 - *Ví dụ:* He lived in London **at that time**. (Anh ấy sống ở London vào thời điểm đó.)
-

2. Thì Quá khứ tiếp diễn (Past Continuous)

A. Khái niệm

Thì Quá khứ tiếp diễn dùng để diễn tả một hành động đang diễn ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ.

B. Công thức

- Khẳng định: S+was/were+V-ing (*Lưu ý: dùng "was" với I/He/She/It và danh từ số ít; dùng "were" với You/We/They và danh từ số nhiều*).
 - Phủ định: S+was/were+not+V-ing
 - Nghi vấn: Was/Were+S+V-ing?
-

3. Sự kết hợp giữa Quá khứ đơn và Quá khứ tiếp diễn

Dưới đây là 3 trường hợp sử dụng phổ biến khi hai thì này đi kèm với nhau:

A. Hành động đang xảy ra tại một thời điểm cụ thể

Dùng để diễn tả một hành động kéo dài đang diễn ra tại một thời điểm nào đó trong quá khứ.

- **Dấu hiệu nhận biết:** Thường đi với *this time* hoặc *at + thời điểm + yesterday/last...*

- **Ví dụ:** This time last Friday, we **were having** a final exam. (*Vào giờ này thứ Sáu tuần trước, chúng tôi đang làm bài thi cuối kỳ.*)
 - At 10:00 yesterday, she **was sleeping**. (*Vào lúc 10 giờ hôm qua, cô ấy đang ngủ.*)
-

B. Hành động đang diễn ra thì có hành động khác xen vào

Dùng để diễn tả một hành động đang diễn ra (chia ở Quá khứ tiếp diễn) thì bất ngờ có một hành động khác xen vào (chia ở Quá khứ đơn).

- **Công thức:**

Quá khứ tiếp diễn+when+ Quá khứ đơn

While+ Quá khứ tiếp diễn,+ Quá khứ đơn

- **Ví dụ:**

- Ex 1: When I came there yesterday, she **was cooking**.

- Ex 2: While they **were going** to school, they **saw** an accident. (*Trong khi họ đang đi đến trường thì họ nhìn thấy một vụ tai nạn.*)

C. Hai hành động xảy ra song song

Dùng để diễn tả hai hành động diễn ra song song cùng một lúc tại một thời điểm trong quá khứ.

. Cấu trúc:

While+S1+was/were+V-ing1, S2+was/were+V-ing2

. Ví dụ:

- Ex 3: While I **was learning** my lesson, they **were playing** cards. (Trong khi tôi đang học bài thì họ đang chơi bài).

Xin lưu ý: Chương trình tiếng Anh tương tác "**From ZERO to MASTER**" này chạy rất tốt trên các trình duyệt Chrome + Fire Fox + Cốc Cốc + Opera ...

Nhưng không thể chạy được trên chương trình cũ Internet Explorer.

Nếu các bạn có những thắc mắc về ngữ pháp và kỹ thuật cần giải đáp, xin mời liên hệ với **Mr. Lê Đại Phong**.

Phone+Zalo: **0971386608** & ✉

Email: **typhoon620@gmail.com** để được hỗ trợ.

Chúng tôi luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp 12 tại trang: www.tienganhhaiphong.vn **CLICK HERE →**